

Số: /TTr-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Sau khi xem xét Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Nghị định số 27/2023/NĐ-CP).

Theo đó, tại khoản 4 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP lần lượt quy định như sau:

“4. Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.”

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) *Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.*”

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi sáp nhập, tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn, trên cơ sở Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, tạo cơ sở pháp lý cho việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí. Cụ thể: Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, cùng quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn.

Việc thực hiện các Nghị quyết nêu trên thời gian qua đã góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân; người nộp phí thực hiện tốt việc kê khai, nộp phí; cơ quan thu chưa nhận được phản ánh, kiến nghị vướng mắc

Tuy nhiên, giữa hai địa bàn trước đây còn có sự khác biệt về mức thu. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, nếu không ban hành chính sách thống nhất sẽ dẫn đến bất bình đẳng tương đối giữa các khu vực, đồng thời gây khó khăn trong công tác quản lý thu, hạch toán, quyết toán và lập kế hoạch tài chính trung hạn.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết mới thống nhất mức thu trên địa bàn tỉnh là cần thiết, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

(Chi tiết mức thu phí và đề xuất mức thu mới được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này)

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản, bảo đảm phù hợp khung mức thu theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, đồng thời thống nhất trong tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện Đề án số 194/ĐA-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; *thời gian hoàn thành vào tháng 5 năm 2026.*

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo, xin ý kiến tham gia góp ý và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết, hoàn thiện hồ sơ trình Sở Tư pháp thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 4 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
- Điều 3. Tổ chức thực hiện
- Điều 4. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Quy định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (trừ các trường hợp được miễn phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP).

b) Tổ chức thu phí: Thuế tỉnh Tuyên Quang và các cơ quan thuế trực thuộc.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

a) Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	tấn	60.000
2	Quặng mangan-gan (mangan)	tấn	50.000
3	Quặng vàng	tấn	270.000
4	Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc	tấn	270.000
5	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	tấn	50.000
6	Quặng chì, quặng kẽm	tấn	270.000
7	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	tấn	30.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
8	Quặng khoáng sản kim loại khác	tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi	-	
2.1	Sỏi	m ³	9.000
2.2	Đá		
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	90.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.750
4	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
4.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	70.000
4.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	7.500
5	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	70.000
6	Cát vàng	m ³	7.500
7	Các loại cát khác	m ³	6.000
8	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
9	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	45.000
10	Cao lanh	tấn	5.800
11	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	tấn	30.000
12	Than gồm: - Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò - Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên - Than nâu, than mỡ - Than khác	tấn	10.000
13	Cuội, sạn	m ³	9.000
14	Đất làm thạch cao	m ³	3.000
15	Các loại đất khác	m ³	2.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
16	Phen - sô - phát (felspat)	tấn	4.600
17	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
18	Các khoáng sản không kim loại khác	tấn	30.000

b) Các loại khoáng sản chưa được quy định trong danh mục quy định tại điểm a mục 3 nêu trên thì áp dụng đơn vị tính và mức phí tối đa theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

c) Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại điểm a, điểm b mục 3 nêu trên.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**